

KẾ HOẠCH
Duy trì và nâng cao xếp hạng chỉ số chuyên đổi số (DTI)
tỉnh Thừa Thiên Huế năm 2023

Căn cứ Quyết định số 922/QĐ-BTTTT ngày 20/5/2022 của Bộ Thông tin và Truyền thông phê duyệt Đề án “Xác định Bộ chỉ số đánh giá chuyên đổi số của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và của quốc gia”; UBND tỉnh Thừa Thiên Huế ban hành Kế hoạch duy trì và nâng cao xếp hạng chỉ số chuyên đổi số (DTI) tỉnh Thừa Thiên Huế năm 2023, như sau:

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Cấu trúc Chỉ số chuyên đổi số cấp tỉnh

Chỉ số chuyên đổi số cấp tỉnh được cấu trúc theo 03 trụ cột (pillar) là: Chính quyền số, Kinh tế số và Xã hội số. Trong mỗi trụ cột đều có 07 chỉ số chính (06 chỉ số chính giống nhau giữa các trụ cột thuộc nhóm chỉ số nền tảng chung và 01 chỉ số chính về hoạt động tương ứng: chính quyền số, kinh tế số, xã hội số).

Chỉ số đánh giá gồm 09 chỉ số chính như sau với 98 chỉ số thành phần: Nhận thức số; Thể chế số; Hạ tầng số; Nhân lực số; An toàn, an ninh mạng; Hoạt động chính quyền số; Hoạt động Kinh tế số; Hoạt động xã hội số; Đô thị thông minh.

2. Thang điểm đánh giá

Thang điểm đánh giá của Chỉ số chuyên đổi số cấp tỉnh là 1000 điểm, trong đó chia cho 3 trụ cột theo tỷ lệ Chính quyền số: 400 điểm, Kinh tế số: 300 điểm, và Xã hội số: 300 điểm.

II. KẾT QUẢ BỘ CHỈ SỐ DTI CẤP TỈNH NĂM 2022

1. Kết quả xếp hạng bộ chỉ số DTI năm 2022

Năm 2022, tỉnh Thừa Thiên Huế xếp hạng vị trí thứ 04/63 tỉnh, thành phố trong toàn quốc với điểm số như sau:

STT	CHỈ SỐ	GIÁ TRỊ ĐÁNH GIÁ DTI	XẾP HẠNG THÀNH PHẦN	TỔNG TIÊU CHÍ	SỐ TIÊU CHÍ ĐẠT 100%
1.	Nhận thức số	0.9500	16	10	9
2.	Thế chế số	0.900	1	11	10
3.	Hạ tầng số	0.6823	18	7	1
4.	Nhân lực số	0.6794	12	13	7
5.	An toàn thông tin mạng	0.6423	3	12	7
6.	Hoạt động chính quyền số	0.8262	4	22	14
7.	Hoạt động kinh tế số	0.6787	10	12	4
8.	Hoạt động xã hội số	0.3001	20	8	0
	CHUYỂN ĐỔI SỐ CẤP TỈNH (PDTI)	0.6975	4 /63		

2. Đánh giá thực trạng triển khai Bộ chỉ số DTI năm 2022

2.1. Về Nhận thức số

a) Các tiêu chí đã đạt được

- 50% số văn bản chỉ đạo chuyên đề về chuyển đổi số do người đứng đầu tỉnh ký.

- Đã xây dựng chuyên trang cấp tỉnh về chuyển đổi số và tần suất cập nhật trung bình 1 tuần/1 lần.

- Cổng thông tin điện tử của tỉnh có chuyên mục riêng về chuyển đổi số và có hơn 20 tin bài về chuyển đổi số trong năm.

- Báo Thừa Thiên Huế và Đài Phát thanh truyền hình của tỉnh, hệ thống truyền thanh cơ sở có chuyên mục riêng về chuyển đổi số.

- Tần suất Đài Phát thanh truyền hình của tỉnh và tần suất hệ thống truyền thanh cơ sở phát sóng chuyên mục riêng về chuyển đổi số là từ 1 tuần/1 lần.

b) Các tiêu chí chưa đạt được

- Có 50% số văn bản chỉ đạo chuyên đề về chuyển đổi số không phải do người đứng đầu tỉnh ký.

2.2. Về Thế chế số

a) Các tiêu chí đã đạt được

- Đã ban hành Nghị quyết của Tỉnh ủy về chuyển đổi số, có nội dung về

chính sách tỷ lệ chi Ngân sách nhà nước tối thiểu cho chuyển đổi số là 1%.

- Đã ban hành kế hoạch 05 năm của tỉnh chuyển số, kế hoạch chuyển đổi số hàng năm của tỉnh, Kiến trúc Chính quyền điện tử phiên bản 2.0 và các nội dung khác về chỉ đạo chuyển đổi số.

b) Các tiêu chí chưa đạt được

- Hội đồng nhân dân tỉnh chưa ban hành tỷ lệ chi Ngân sách nhà nước tối thiểu cho chuyển đổi số là 1%.

- Chưa ban hành chính sách thuê chuyên gia chuyển đổi số.

2.3. Về Hạ tầng số

a) Các tiêu chí đã đạt được

- Tỷ lệ hộ gia đình có người có điện thoại thông minh, đạt 8,36/10 điểm.

- Tỷ lệ hộ gia đình có kết nối Internet băng rộng cáp quang, đạt 8,05/10 điểm.

b) Các tiêu chí chưa đạt được

- Chưa bố trí kinh phí để đầu tư Nền tảng điện toán đám mây để kết nối với nền tảng điện toán đám mây của Chính phủ theo mô hình do Bộ Thông tin và Truyền thông.

- Chỉ mới đầu tư một phần 2 nền tảng số gồm: Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu cấp tỉnh (LGSP); Nền tảng họp trực tuyến; Chưa đầu tư kinh phí để triển khai 5/7 nền tảng số tập trung còn lại gồm: (1) Nền tảng số quản trị tổng thể, thống nhất toàn Tỉnh, thành phố phục vụ hoạt động chỉ đạo, điều hành và quản trị nội bộ của cơ quan nhà nước; (2) Nền tảng phân tích, xử lý dữ liệu tổng hợp tập trung; (3) Nền tảng giám sát trực tuyến phục vụ công tác quản lý nhà nước; (4) Nền tảng trợ lý ảo phục vụ người dân, doanh nghiệp; (5) Nền tảng trợ lý ảo phục vụ công chức, viên chức.

- Chưa đầu tư ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) cho các nền tảng số kể trên.

- Tỷ lệ dân số trưởng thành có điện thoại thông minh, đạt 6,83/10 điểm. Do công thức tính điểm của hệ thống chia cho tổng số dân toàn tỉnh nên tỉ lệ này còn thấp.

2.4. Về Nhân lực số

a) Các tiêu chí đã đạt được

- 100% các xã, phường, thị trấn và cấp thôn, bản đã có Tổ công nghệ số cộng đồng.

- 100% các sở ban ngành, UBND cấp huyện, cấp xã đều đã có cán bộ chuyên trách/ kiêm nhiệm chuyển đổi số và an toàn thông tin.

b) Các tiêu chí chưa đạt được

- Tỷ lệ cơ sở đào tạo cao đẳng, đại học, sau đại học có đào tạo về chuyển đổi số còn chưa cao (64,29%)
- Tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp cao đẳng, đại học, sau đại học về chuyên đổi số còn thấp 8%.
- Số lượng người dân được phổ cập kỹ năng số cơ bản trên nền tảng OneTouch còn thấp (5,8%).
- Tỷ lệ người lao động được bồi dưỡng, tập huấn kỹ năng số vẫn chưa cao 68,30%.

2.5. Về An toàn thông tin mạng

a) Các tiêu chí đã đạt được

- 100% máy chủ của cơ quan nhà nước cài đặt phòng, chống mã độc và chia sẻ thông tin với Trung tâm Giám sát an toàn không gian mạng quốc gia (NCSC).
- Phát hiện và xử lý tốt các sự cố trong cơ quan nhà nước.

b) Các tiêu chí chưa đạt được

- Chưa đầu tư kinh phí đúng mức cho các nhiệm vụ: Kiểm tra, đánh giá ATTT; Diễn tập, ứng cứu sự cố ATTT; Đào tạo, tập huấn ATTT; Tuyên truyền nâng cao nhận thức ATTT (mỗi nhiệm vụ tối thiểu 2 tỉ đồng để đạt điểm tối đa).
- Số lượng hệ thống thông tin đã được phê duyệt hồ sơ đề xuất cấp độ còn khiêm tốn (Do cách tính Min-max, tính cao nhất 30 hệ thống thông tin, Thừa Thiên Huế phê duyệt 14 hệ thống thông tin).
- Số lượng máy trạm của cơ quan nhà nước cài đặt phòng, chống mã độc và chia sẻ thông tin với Trung tâm Giám sát an toàn không gian mạng quốc gia (NCSC) chưa cao, chỉ đạt 15,17%. Do các cơ quan, đơn vị chưa thực sự quan tâm cài đặt phần mềm, mặt khác do máy tính cấu hình yếu, chưa được đầu tư trang cấp nên không đảm bảo cấu hình để cài đặt.
- Số lượng hệ thống thông tin của cơ quan nhà nước được giám sát trực tiếp và kết nối chia sẻ dữ liệu với Trung tâm Giám sát an toàn không gian mạng quốc gia (NCSC) chưa cao, chỉ đạt 50% (năm 2022).
- Số lượng hệ thống thông tin của cơ quan nhà nước đã được kiểm tra, đánh giá đầy đủ các nội dung theo quy định tại Thông tư số 03/2017/TT-BTTTT ngày 24/4/2017 còn thấp, chỉ đạt 57,14%.
- Số lượng các cuộc diễn tập ứng cứu sự cố an toàn thông tin (ATTT) được

triển khai còn ít: 01 cuộc.

2.6. Về Chính quyền số

a) Các tiêu chí đã đạt được

- Hạ tầng chính quyền số được thống nhất triển khai từ tỉnh tới xã bằng mạng truyền số liệu, dữ liệu được lưu trữ tập trung tại Trung tâm HueIOC. Hoàn thành chuyển đổi sang công nghệ IPv6.

- Cổng thông tin điện tử đáp ứng yêu cầu chức năng, tính năng kỹ thuật theo quy định. Đã triển khai Cổng dữ liệu mở của tỉnh bước đầu đã công khai dữ liệu của một số sở, ngành.

- Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính đáp ứng yêu cầu chức năng, tính năng kỹ thuật theo quy định. Bên cạnh đó đã triển khai kênh tương tác với người dân, doanh nghiệp.

- Nhân lực chuyển đổi số trong cơ quan nhà nước đáp ứng yêu cầu các hoạt động trong thời gian tới.

- An toàn thông tin trong các hệ thống thông tin được quan tâm bảo vệ.

b) Các tiêu chí chưa đạt được

- Tỷ lệ số dịch vụ dữ liệu có trên Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NDXP) được đưa vào sử dụng chính thức chưa cao, đạt 33%.

- Tỷ lệ hồ sơ xử lý trực tuyến còn thấp, đạt 13,7/ 20 điểm.

- Còn 4/7 nền tảng dùng chung chưa được đầu tư kinh phí để xây dựng và triển khai đến các cơ quan, đơn vị.

2.7. Về Kinh tế số

a) Các tiêu chí đã đạt được

- Doanh nghiệp nhỏ và vừa tiếp cận và tích cực tham gia Chương trình chuyển đổi số của tỉnh.

- Số lượng doanh nghiệp công nghệ số đã gia tăng số lượng.

b) Các tiêu chí chưa đạt được

- Tỷ trọng kinh tế số trong GRDP của tỉnh vẫn còn thấp, đạt 10,67%.

- Số lượng doanh nghiệp nền tảng số so với tổng số doanh nghiệp còn thấp (có 229 doanh nghiệp nền tảng số).

- Tỷ lệ doanh nghiệp sử dụng hợp đồng điện tử còn thấp, tỉ lệ 51,16%.

- Số lượng giao dịch trên sàn thương mại điện tử Vò sò và Postmart còn hạn chế, với 12.625 giao dịch.

- Đầu tư ngân sách nhà nước cho kinh tế số còn hạn chế (8,5 tỉ đồng cho đầu tư và 5,1 tỉ đồng cho chi thường xuyên và đây là vốn của doanh nghiệp nhà nước).

2.8. Về Xã hội số

a) Các tiêu chí đã đạt được

- Số lượng người từ 15 tuổi trở lên có tài khoản giao dịch tại ngân hàng hoặc các tổ chức được phép khác tương đối cao, với hơn 653.650 tài khoản.

- Hue-S đã được triển khai rộng khắp đến tất cả mọi người dân trên địa bàn tỉnh, có tác động lớn đến điểm số thành phần trong hoạt động xã hội số.

b) Các tiêu chí chưa đạt được

- Số lượng người dân có danh tính số/ tài khoản định danh điện tử còn thấp, chỉ có 185.749 tài khoản định danh điện tử.

- Số người có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử còn ít, có 2.889 chữ ký số.

- Số lượng hộ gia đình có địa chỉ số chưa triển khai năm 2022, kinh phí thực hiện chưa được cấp phục vụ thu thập.

- Đầu tư ngân sách nhà nước cho xã hội số còn hạn chế (15,3 tỉ đồng cho đầu tư và 637 triệu đồng cho chi thường xuyên và đây là vốn của doanh nghiệp nhà nước).

III. KẾ HOẠCH DUY TRÌ VÀ NÂNG CAO CHỈ SỐ DTI CẤP TỈNH

Để duy trì và nâng cao xếp hạng chỉ số chuyển đổi số tỉnh Thừa Thiên Huế năm 2023, bao gồm các chức năng chính như sau:

1. Mục đích, yêu cầu

1.1. Mục đích

- Nhằm triển khai đồng bộ các nội dung nhiệm vụ của Chương trình Chuyển đổi số quốc gia trên địa bàn tỉnh có hiệu quả, kịp thời phục vụ cho quản lý hành chính Nhà nước, phát triển kinh tế xã hội của tỉnh.

- Đánh giá được hiện trạng thực hiện chuyển đổi số hàng năm tại tỉnh; giúp các bộ, công chức nhìn nhận được sự tiến bộ của tỉnh mình trong quá trình chuyển đổi số.

- Chỉ rõ các điểm mạnh cần phát huy, những điểm yếu cần khắc phục nhằm thực hiện các giải pháp phù hợp nhằm hoàn thành các mục tiêu đã đặt ra tại Chương trình Chuyển đổi số quốc gia, của tỉnh.

- Phấn đấu nâng điểm chỉ số DTI năm 2023 cao hơn hoặc bằng năm trước, nằm trong nhóm 5 địa phương dẫn đầu cả nước.

1.2. Yêu cầu

- Kế hoạch được triển khai đồng bộ ở các cấp chính quyền; tập trung trọng điểm tại các sở, ngành; huyện, thị xã, thành phố; các xã, phường, thị trấn; các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh. Quá trình thực hiện cần kết hợp chặt chẽ với việc thực hiện nhiệm vụ chuyên môn của các sở, ban, ngành tỉnh và nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của các huyện, thị xã, thành phố, xác định duy trì và nâng cao Chỉ số DTI là nhiệm vụ thường xuyên, lâu dài, kiên trì, liên tục của các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp.

- Các cơ quan nhà nước phải đẩy mạnh công tác tuyên truyền rộng rãi đến cả hệ thống chính trị, toàn xã hội, thực hiện tốt yêu cầu; thấu hiểu, chia sẻ và kịp thời giải quyết các vướng mắc, bức xúc của nhân dân, của tổ chức và cá nhân; đánh giá đúng thực trạng, xây dựng Kế hoạch thực hiện các nội dung liên quan đến việc xác định Chỉ số DTI của ngành, địa phương, doanh nghiệp mình.

2. Nhiệm vụ, giải pháp

Các tiêu chí, phân công, phương pháp triển khai được kèm theo Phụ lục “Phân công thực hiện bộ chỉ số đánh giá, xếp hạng chuyển đổi số cấp tỉnh”.

3. Thời gian hoàn thành: trước ngày 31/12/2023.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Thông tin và Truyền thông

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan triển khai các nội dung của kế hoạch. Báo cáo UBND tỉnh kết quả triển khai thực hiện.

- Triển khai các nền tảng số dùng chung, các hoạt động chung khi được bố trí kinh phí.

- Thống kê số liệu từ các đơn vị, báo cáo UBND tỉnh xem xét để gửi Bộ Thông tin và Truyền thông đánh giá, xếp hạng.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính

- Sở Kế hoạch và Đầu tư cân đối, bố trí nguồn lực nhằm triển khai các dự án, đặc biệt là các nền tảng số dùng chung quan trọng chưa triển khai.

- Sở Tài chính nghiên cứu cân đối nguồn lực để triển khai các hoạt động sự nghiệp trong kế hoạch, đặc biệt các hoạt động về An toàn thông tin mạng, máy tính đảm bảo cài đặt cho công chức; Kinh phí thường xuyên cho hoạt động kinh tế số và xã hội số.

3. Văn phòng UBND tỉnh: Chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông triển khai các nội dung liên quan đến các chỉ số trụ cột chính quyền số.

4. Thủ trưởng các sở, ban, ngành, các cơ quan trung ương trên địa bàn tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn

Căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được giao theo *bảng Phụ lục phân công* và trên cơ sở các nhiệm vụ, giải pháp của kế hoạch này xây dựng kế hoạch, đề ra nội dung thực hiện lồng ghép đảm bảo hiệu quả thực hiện tại đơn vị, địa phương mình; tạo điều kiện để người dân tham gia sâu, rộng vào việc triển khai chuyển đổi số. Cung cấp đầy đủ các số liệu và tài liệu kiểm chứng đã được phân công cho Sở Thông tin và Truyền thông đúng hạn.

5. Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh, Báo Thừa Thiên Huế: đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền về các chỉ số nội dung liên quan đến chương trình Chuyển đổi số của tỉnh.

Ủy ban nhân dân tỉnh yêu cầu thủ trưởng các sở, ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố Huế và Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh tập trung thực hiện hiệu quả Kế hoạch này. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu phát sinh vướng mắc, các cơ quan, đơn vị, địa phương kịp thời báo cáo UBND tỉnh qua Sở Thông tin và Truyền thông để xem xét, điều chỉnh, báo cáo UBND tỉnh chỉ đạo./.

Nơi nhận:

- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- UBMTTQ Việt Nam tỉnh;
- Công an tỉnh;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- Các CQ TƯ trên địa bàn tỉnh;
- Hiệp hội DN tỉnh, Hội DN trẻ;
- UBND các huyện, thị xã, TP Huế;
- Liên minh HTX tỉnh;
- Các DN viễn thông, Các DN Bưu chính;
- VP UBND tỉnh: CVP, các PCVP;
- Lưu: VT, CN.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Văn Phương